TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/DS-ST
Ngày: 16 - 4 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Gái.

2. Ông Cao Phước Nghĩa.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Quốc Tũng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2020/TLST - DS ngày 05 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Út L, sinh năm: 1972; địa chỉ: Khu phố M, thị trấn S, huyện H, tỉnh K; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm: 1966; địa chỉ: Khu phố M, thị trấn S, huyện H, tỉnh K; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2019 nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Út L trình bày:

Vào năm 2014, bà Lê Thị N có nhờ bà hỏi vay giùm số tiền là 8.800.000 đồng. Bà đã nhiều lần yêu cầu bà N trả vốn, lãi nhưng bà N không trả. Tại biên bản

hòa giải của khu phố Mỹ Hòa thì bà N thừa nhận còn nợ bà số tiền là 8.800.000 đồng và xin trả mỗi tháng 500.000 đồng nhưng bà không đồng ý.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả cho bà số tiền còn nợ vốn gốc là 8.800.000 đồng, trả một lần, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai ngày 04/3/2020 và biên bản hòa giải ngày 04/3/2020 bị đơn là bà Nguyễn Thị Nga trình bày:

Cách đây khoảng 10 năm, bà có chơi hai chân hụi do bà L làm chủ hụi, có những lần đóng hụi sống bà không đủ tiền nên bà L có đóng thay cho bà. Bà L tính lãi suất đối với số tiền đóng hụi thay, sau đó bà hốt hụi cũng bị trừ dần vô phần tiền còn nợ, bà không được lấy tiền mặt. Bà không xác định được bà nợ bà L bao nhiêu tiền và đã trả được bao nhiêu nên không yêu cầu Tòa án xem xét khấu trừ số tiền đã trả. Nay, bà L chốt số nợ yêu cầu bà trả số tiền 8.800.000 đồng, bà đồng ý. Tuy nhiên, do điều kiện khó khăn nên bà không có khả năng trả một lần mà yêu cầu được trả dần, mỗi năm bà sẽ trả 1.000.000 đồng vào ngày 20 Tết.

Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Út L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị N trả số tiền vay nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp "Hợp đồng dân sự vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là bà N có địa chỉ nơi cư trú tại Khu phố M, thị trấn S, huyện H, tỉnh K nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, đểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Bà N có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của bà không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án, bà L và bà N đều xác định bà N còn nợ bà L số tiền là 8.800.000 đồng. Bà L yêu cầu bà N thanh toán nợ một lần nhưng bà N yêu cầu được trả dần, mỗi năm trả số tiền là 1.000.000 đồng.

Tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác"*. Đối chiếu với quy định này, việc bà L yêu cầu bà N phải thanh toán số tiền vốn gốc còn nợ 8.800.000 đồng là có sơ sở nên được Tòa án chấp nhận.

Bà L không yêu cầu tính lãi nên Tòa án không xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí:

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu của bà L được Tòa án chấp nhận nên bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 220.000 đồng (hai trăm hai chục nghìn đồng).

Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 8.800.000 đồng x 5% = 440.000 đồng (bốn trăm bốn chục nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 269 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 471, khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự 2005;

Điểm a khoản 1 Điều 688, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Út L đối với bà Lê Thị N. Buộc bà N thanh toán cho bà L số tiền là 8.800.000 đồng (tám triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí:

Yêu cầu của bà L được Tòa án chấp nhận nên bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 220.000 đồng (hai trăm hai chục nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009282 ngày 09/01/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 440.000 đồng (bốn trăm bốn chục nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

Lê Cẩm Tú